

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **621**/QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày **28** tháng 02 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông, trung học phổ thông chuyên, phổ thông dân tộc nội trú, giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Bình năm học 2025-2026**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BGDĐT ngày 05/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-BGDĐT ngày 06/01/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên;


Căn cứ Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23/02/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú;

Căn cứ Thông tư số 05/2023/TT-BGDĐT ngày 28/02/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên;

Căn cứ Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 461/TTr-SGDĐT ngày 28/02/2025.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông, trung học phổ thông chuyên, phổ thông dân tộc nội trú, giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Bình năm học 2025-2026 (có Kế hoạch kèm theo). 

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo, tổ chức thực hiện Kế hoạch và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi kết thúc tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông, trung học phổ thông chuyên, phổ thông dân tộc nội trú, giáo dục thường xuyên năm học 2025-2026.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Báo Quảng Bình, Đài PHTH Quảng Bình;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NCVX.

*[Handwritten signature]*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hoàng Xuân Tân**

## KẾ HOẠCH

### Tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông, trung học phổ thông chuyên, phổ thông dân tộc nội trú, giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Bình năm học 2025-2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 28/02/2025  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích

- Đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh trên địa bàn, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Nhằm cung cấp thông tin để đánh giá chất lượng giáo dục ở các trường tiểu học và trung học cơ sở (TH và THCS), trung học cơ sở (THCS), trung học cơ sở và trung học phổ thông (THCS và THPT), các phòng Giáo dục và Đào tạo. Qua đó, các cơ quan quản lý nhà nước (Sở Giáo dục và Đào tạo, phòng Giáo dục và Đào tạo), các trường phổ thông có cơ sở, căn cứ đánh giá thực chất, chất lượng học tập của học sinh và chất lượng giảng dạy của giáo viên; từ đó, để có chỉ đạo, đưa ra các giải pháp thực hiện, điều chỉnh quá trình dạy học, nâng cao chất lượng dạy và học trong các trường phổ thông.

- Thực hiện phân luồng, phát triển năng lực của học sinh sau khi được công nhận tốt nghiệp THCS.

### 2. Yêu cầu

- Công tác tuyển sinh phải đảm bảo an toàn, nghiêm túc, chính xác, khách quan, công bằng và đúng thời gian quy định.

- Hướng dẫn tuyển sinh đầy đủ, rõ ràng, công khai, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho học sinh và phụ huynh học sinh; tuyệt đối không được vận động, quyền góp và thu các khoản ngoài quy định khi tuyển sinh.

## II. TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT

### 1. Đối tượng tuyển sinh

Là học sinh, học viên (sau đây gọi chung là học sinh) tốt nghiệp THCS, trong độ tuổi vào lớp 10 như sau:

- Tuổi của học sinh vào học lớp 10 là 15 tuổi. Đối với những học sinh được học vượt lớp ở cấp học trước hoặc học sinh vào cấp học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định thì tuổi vào lớp 10 được giảm hoặc tăng căn cứ vào tuổi của năm tốt nghiệp cấp học trước. *fin*

*fin*

- Học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh ở nước ngoài về nước có thể vào cấp học ở tuổi cao hơn 03 tuổi so với tuổi quy định.

- Học sinh không được lưu ban quá 03 lần trong một cấp học.

## **2. Chỉ tiêu và địa bàn tuyển sinh**

### **2.1. Chỉ tiêu tuyển sinh**

Thực hiện tuyển sinh theo Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển lớp, học sinh cho các trường THPT, THCS và THPT công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Bình năm học 2025-2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.2. Địa bàn tuyển sinh: Trên phạm vi toàn tỉnh.

**3. Phương thức tuyển sinh:** Kết hợp thi tuyển với xét tuyển.

### **4. Tuyển thẳng, chế độ ưu tiên, khuyến khích**

4.1. Tuyển thẳng vào THPT các đối tượng sau đây:

a) Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú (DTNT) cấp THCS;

b) Học sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người;

c) Học sinh là người khuyết tật;

d) Học sinh THCS đoạt giải cấp quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc phối hợp với các Bộ và cơ quan ngang Bộ tổ chức trên quy mô toàn quốc đối với các cuộc thi, kì thi, hội thi (gọi chung là cuộc thi) về văn hóa; văn nghệ; thể thao; cuộc thi nghiên cứu khoa học kĩ thuật.

đ) Học sinh THCS đoạt giải trong các cuộc thi quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định chọn cử.

4.2. Đối tượng được cộng điểm ưu tiên

Điểm ưu tiên được cộng vào tổng điểm xét tuyển theo thang điểm 10 (mười) đối với mỗi môn thi.

a) Nhóm đối tượng 1 được cộng 2,0 điểm:

- Con liệt sĩ;

- Con thương binh mất sức lao động 81% trở lên;

- Con bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên;

- Con của người được cấp "Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên";

- Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học;

- Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945;

- Con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

b) Nhóm đối tượng 2 được cộng 1,5 điểm:

- Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động, con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng;
- Con thương binh mất sức lao động dưới 81%;
- Con bệnh binh mất sức lao động dưới 81%;
- Con của người được cấp "Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%".

c) Nhóm đối tượng 3 được cộng 1,0 điểm:

- Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số;
- Người dân tộc thiểu số;
- Học sinh ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Học sinh có nhiều chế độ ưu tiên thì chỉ được hưởng một mức ưu tiên có điểm cộng cao nhất.

#### 4.3. Đối tượng được cộng điểm khuyến khích

a) Học sinh THCS đạt giải cấp tỉnh do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc phối hợp với các sở, ngành tổ chức trên quy mô toàn tỉnh đối với các cuộc thi có tổ chức ở cấp quốc gia theo quy định tại điểm 4.1.d khoản 4, Mục này.

b) Điểm khuyến khích được cộng vào tổng điểm xét tuyển tính theo thang điểm 10 (mười) đối với mỗi môn thi: giải nhất được cộng 1,5 điểm; giải nhì được cộng 1,0 điểm; giải ba được cộng 0,5 điểm.

Học sinh có nhiều chế độ khuyến khích thì chỉ được hưởng một mức khuyến khích có điểm cộng cao nhất.

### 5. Lịch thi

Ngày thi	Buổi thi	Môn thi	Thời gian làm bài	Giờ phát đề thi cho thí sinh	Giờ bắt đầu làm bài
03/6/2025	Sáng	07h30: Họp toàn thể Hội đồng coi thi 09h30: Thí sinh đến phòng thi, làm thủ tục dự thi, đính chính sai sót thông tin ĐKDT (nếu có) và nghe phổ biến Quy chế thi, Lịch thi			
	Chiều	Ngữ văn	120 phút	14 giờ 25 phút	14 giờ 30 phút
04/6/2025	Sáng	Toán	120 phút	07 giờ 25 phút	07 giờ 30 phút
	Chiều	Tiếng Anh	60 phút	14 giờ 25 phút	14 giờ 30 phút

## 6. Điểm tính theo kết quả rèn luyện và học tập

6.1. Điểm tính theo kết quả rèn luyện và học tập mỗi năm học được tính dựa trên kết quả rèn luyện và học tập cả năm học của học sinh ở cấp THCS, cụ thể như sau:

6.1.1. Đối với Chương trình giáo dục phổ thông 2018

- a) Rèn luyện Tốt, học tập Tốt: 5,0 điểm.
- b) Rèn luyện Khá, học tập Tốt hoặc rèn luyện Tốt, học tập Khá: 4,5 điểm.
- c) Rèn luyện Khá, học tập Khá: 4,0 điểm.
- d) Rèn luyện Đạt, học tập Tốt hoặc rèn luyện Tốt, học tập Đạt: 3,5 điểm.
- e) Rèn luyện Đạt, học tập Khá hoặc rèn luyện Khá, học tập Đạt: 3,0 điểm.
- f) Rèn luyện Đạt, học tập Đạt: 2,5 điểm.

6.1.2. Đối với Chương trình giáo dục phổ thông 2006

- a) Hạnh kiểm Tốt, học lực Giỏi: 5,0 điểm.
- b) Hạnh kiểm Khá, học lực Giỏi hoặc hạnh kiểm Tốt, học lực Khá: 4,5 điểm.
- c) Hạnh kiểm Khá, học lực Khá: 4,0 điểm.
- d) Hạnh kiểm Trung bình, học lực Giỏi hoặc hạnh kiểm Tốt, học lực Trung bình: 3,5 điểm.
- e) Hạnh kiểm Khá, học lực Trung bình hoặc hạnh kiểm Trung bình, học lực Khá: 3,0 điểm.

f) Các trường hợp còn lại: 2,5 điểm.

6.2. Nếu học sinh lưu ban lớp nào thì lấy kết quả năm học lại của lớp đó.

## 7. Điểm xét tuyển

Điểm xét tuyển = Điểm thi môn Ngữ văn + Điểm thi môn Toán + Điểm thi môn Tiếng Anh + Tổng Điểm tính theo kết quả rèn luyện và học tập của 04 năm học cấp THCS + Điểm ưu tiên (nếu có) + Điểm khuyến khích (nếu có).

## 8. Đăng ký tuyển sinh

Mỗi học sinh được đăng ký nguyện vọng (NV) dự tuyển vào hai trường THPT trên địa bàn tỉnh, xếp theo thứ tự NV1, NV2. Học sinh không được thay đổi NV dự tuyển sau khi đã đăng ký. Không tính NV đã đăng ký vào Trường THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp, Trường phổ thông DTNT.

## 9. Nguyên tắc tuyển sinh

9.1. Những quy định chung

- a) Học sinh đã trúng tuyển NV1 thì không được xét tuyển NV2.
- b) Học sinh không trúng tuyển NV1 được xét tuyển NV2 đồng thời cùng với việc xét tuyển NV1 của các học sinh đăng ký tại trường này, nhưng phải có điểm xét tuyển cao hơn điểm chuẩn trúng tuyển NV1 của trường ít nhất là 2,0 (hai) điểm.

*from el*

c) Đối với học sinh không trúng tuyển vào Trường THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp, Trường phổ thông DTNT, nếu có đăng ký NV1, NV2 về các trường THPT khác thì được dự xét tuyển bình đẳng như những học sinh khác và theo nguyên tắc tuyển sinh được quy định tại điểm a, điểm b của Mục này.

## 9.2. Trình tự xét tuyển sinh

a) Tuyển thẳng những học sinh đủ điều kiện tại điểm 4.1 khoản 4, Mục II của Kế hoạch.

b) Xét tuyển các thí sinh còn lại.

- Chỉ xét tuyển đối với những thí sinh có đủ các điều kiện sau đây:

+ Thi đủ các bài thi theo quy định;

+ Điểm mỗi bài thi phải lớn hơn hoặc bằng 0,25 (không phải hai lăm) điểm.

- Căn cứ điểm xét tuyển, xét từ cao xuống thấp để tuyển đủ chỉ tiêu được giao cho từng đơn vị tuyển sinh. Khi xét đến chỉ tiêu cuối cùng, nếu có từ 02 thí sinh trở lên có điểm xét tuyển bằng nhau nhưng không thể tuyển hết:

+ Trường hợp những thí sinh này có cùng NV thì xét chọn thí sinh theo thứ tự ưu tiên như sau: có tổng điểm các môn thi cao hơn; có tổng điểm trung bình môn cả năm học lớp 9 cao hơn; có tổng điểm trung bình môn cả năm học lớp 9 của môn Toán, môn Ngữ văn và môn Tiếng Anh cao hơn; nếu vẫn chưa xác định được thí sinh trúng tuyển thì Hội đồng tuyển sinh của trường đề xuất và trình Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

+ Trường hợp những thí sinh này khác nhau NV (bao gồm thí sinh đăng ký NV1 và thí sinh đăng ký NV2 mà điểm xét tuyển NV2 lớn hơn điểm xét tuyển NV1 đúng bằng 2,0 điểm) thì xét chọn thí sinh đăng ký NV1 trước và theo thứ tự ưu tiên như đối với những thí sinh có cùng NV.

## 10. Tuyển sinh bổ sung


10.1. Các trường sau khi đã tuyển sinh đủ chỉ tiêu được giao nhưng do có học sinh không nhập học, chuyển trường, xin bảo lưu, ... thì được tiếp tục tuyển những học sinh có điểm xét tuyển kế tiếp có đăng ký NV1, NV2 vào trường.

10.2. Các trường đã tuyển sinh hết tất cả học sinh đăng ký NV1, NV2 nhưng vẫn còn thiếu chỉ tiêu so với chỉ tiêu được giao hoặc đủ chỉ tiêu nhưng do có học sinh không nhập học, chuyển trường, xin bảo lưu, ... thì thực hiện tuyển sinh bổ sung đối với học sinh trên địa bàn toàn tỉnh nếu có nguyện vọng nộp hồ sơ xét tuyển vào trường.

10.3. Điều kiện và nguyên tắc xét tuyển bổ sung: Thực hiện theo quy định tại điểm 9.2.b, khoản 9, Mục II của Kế hoạch này.

## III. TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN VÕ NGUYỄN GIÁP

### 1. Đối tượng tuyển sinh

Là học sinh có đủ các điều kiện sau: 



1.1. Các điều kiện quy định tại khoản 1, Mục II của Kế hoạch này.

1.2. Kết quả rèn luyện và học tập cả năm học của các lớp cấp THCS đạt mức Khá trở lên.

## 2. Chỉ tiêu và địa bàn tuyển sinh

### 2.1. Chỉ tiêu tuyển sinh

Thực hiện tuyển sinh theo Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển lớp, học sinh cho các trường THPT, THCS và THPT công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Bình năm học 2025-2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.2. Địa bàn tuyển sinh: Trên phạm vi toàn tỉnh.

## 3. Phương thức tuyển sinh: Thi tuyển.

## 4. Lịch thi

Ngày thi	Buổi thi	Môn thi	Thời gian làm bài	Giờ phát đề thi cho thí sinh	Giờ bắt đầu làm bài
03/6/2025	Sáng	07h30: Họp toàn thể Hội đồng coi thi 09h30: Thí sinh đến phòng thi, làm thủ tục dự thi, đính chính sai sót thông tin ĐKDT (nếu có) và nghe phổ biến Quy chế thi, Lịch thi			
	Chiều	Ngữ văn	120 phút	14 giờ 25 phút	14 giờ 30 phút
04/6/2025	Sáng	Toán	120 phút	07 giờ 25 phút	07 giờ 30 phút
	Chiều	Tiếng Anh	60 phút	14 giờ 25 phút	14 giờ 30 phút
05/6/2025	Sáng	Các môn chuyên	150 phút/môn	07 giờ 25 phút	07 giờ 30 phút

## 5. Điểm xét tuyển

Điểm xét tuyển = Điểm thi môn Ngữ văn + Điểm thi môn Toán + Điểm thi môn Tiếng Anh + Điểm thi môn chuyên (đã tính hệ số 2) tương ứng với lớp chuyên.

## 6. Đăng ký tuyển sinh

6.1. Mỗi học sinh được đăng ký dự thi vào 01 lớp chuyên của Trường THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp; đồng thời, được đăng ký NV xét tuyển vào Trường phổ thông DTNT (nếu đủ điều kiện) và đăng ký NV dự tuyển vào hai trường THPT khác trên địa bàn tỉnh, xếp theo thứ tự NV1, NV2.

6.2. Đối với những học sinh đăng ký lớp chuyên Toán được đăng ký thêm NV vào lớp chuyên Tin.

## 7. Nguyên tắc tuyển sinh

### 7.1. Những quy định chung

- Học sinh trúng tuyển vào Trường THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp không được tham gia xét tuyển vào Trường phổ thông DTNT, trường THPT đã đăng ký NV. *g*

*al*



- Học sinh không trúng tuyển vào lớp chuyên Toán, nếu có đăng ký NV thì được dự tuyển vào lớp chuyên Tin (chỉ áp dụng khi điểm thi môn chuyên Toán của thí sinh đạt từ 4,0 điểm trở lên và lớp chuyên Tin còn chỉ tiêu tuyển sinh).

## 7.2. Trình tự xét tuyển

a) Chỉ xét tuyển đối với thí sinh có đủ các điều kiện sau đây:

- Thi đủ các bài thi theo quy định;
- Các bài thi không chuyên đạt điểm lớn hơn 2,0 điểm;
- Điểm bài thi môn chuyên đạt từ 4,0 điểm trở lên.

b) Căn cứ điểm xét tuyển, xét từ cao xuống thấp để tuyển đủ chỉ tiêu được giao cho từng lớp chuyên. Khi xét đến chỉ tiêu cuối cùng, nếu có 02 thí sinh trở lên có điểm xét tuyển bằng nhau nhưng không thể tuyển hết thì xét chọn thí sinh theo thứ tự ưu tiên như sau: Có điểm thi môn chuyên đăng ký dự thi cao hơn; có điểm trung bình môn chuyên đăng ký dự thi của năm học lớp 9 cao hơn; có tổng điểm trung bình môn cả năm học lớp 9 cao hơn; nếu vẫn chưa xác định được thí sinh trúng tuyển thì Hội đồng tuyển sinh của trường đề xuất và trình Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

c) Trường hợp không đủ chỉ tiêu, căn cứ tình hình thực tế, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định hạ thấp điểm môn chuyên (lần lượt từng mức 0,25 điểm) nhưng không dưới 3,0 điểm.

## IV. TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ

### 1. Đối tượng tuyển sinh

Là học sinh có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1, Mục II của Kế hoạch này. Đồng thời, thuộc một trong các đối tượng sau:

1.1. Học sinh là người dân tộc thiểu số mà bản thân và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú từ 36 tháng liên tục trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ tuyển sinh tại:

a) Xã, phường, thị trấn khu vực III và thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo quy định của cấp có thẩm quyền (sau đây gọi chung là xã, thôn đặc biệt khó khăn);

b) Xã, phường, thị trấn khu vực II và khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của cấp có thẩm quyền.

1.2. Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người được quy định tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ Quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người.

1.3. Học sinh là người dân tộc Kinh mà bản thân và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú từ 36 tháng liên tục trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ

*[Handwritten signature]*

tuyển sinh tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn. Trường phổ thông DTNT được tuyển không quá 10% học sinh là người dân tộc Kinh trong tổng số chỉ tiêu tuyển mới hằng năm.

## **2. Chỉ tiêu và địa bàn tuyển sinh**

### **2.1. Chỉ tiêu tuyển sinh**

Thực hiện tuyển sinh theo Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển lớp, học sinh cho các trường THPT, THCS và THPT công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Bình năm học 2025-2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

### **2.2. Địa bàn tuyển sinh: Trên phạm vi toàn tỉnh.**

Giao Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh được giao của trường phổ thông DTNT, số lượng học sinh lớp 9 là người dân tộc thiểu số ở các huyện, tình hình thực hiện phổ cập giáo dục THCS để phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 cho trường phổ thông DTNT theo địa bàn huyện (không bao gồm chỉ tiêu tuyển sinh dân tộc Kinh theo quy định).

## **3. Phương thức tuyển sinh: Kết hợp thi tuyển với xét tuyển.**

## **4. Tuyển thẳng, chế độ ưu tiên, khuyến khích**

### **4.1. Tuyển thẳng**

- Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người;
- Học sinh THCS thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, Mục IV của Kế hoạch này đoạt giải cấp quốc gia, quốc tế về văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, khoa học kỹ thuật.

### **4.2. Đối tượng được cộng điểm ưu tiên**

Thực hiện theo điểm 4.2, khoản 4, Mục II của Kế hoạch này.

### **4.3. Đối tượng được cộng điểm khuyến khích**

Thực hiện theo điểm 4.3, khoản 4, Mục II của Kế hoạch này.

## **5. Lịch thi**

Thực hiện theo quy định tại khoản 5, Mục II của Kế hoạch này.

## **6. Điểm tính theo kết quả rèn luyện và học tập**

Thực hiện theo quy định tại khoản 6, Mục II của Kế hoạch này.

## **7. Điểm xét tuyển**

Thực hiện theo quy định tại khoản 7, Mục II của Kế hoạch này.

## **8. Đăng ký tuyển sinh**

Mỗi học sinh được đăng ký dự tuyển vào Trường phổ thông DTNT (nếu có đủ điều kiện), đồng thời được đăng ký NV dự tuyển vào hai trường THPT trên địa bàn tỉnh, xếp theo thứ tự NV1, NV2.

## 9. Nguyên tắc tuyển sinh

### 9.1. Những quy định chung

a) Học sinh đã trúng tuyển vào Trường phổ thông DTNT thì không được tham gia dự tuyển vào các trường THPT khác đã đăng ký NV.

b) Học sinh không trúng tuyển vào Trường THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp nếu có đủ điều kiện và có đăng ký NV thì được dự xét tuyển vào Trường phổ thông DTNT bình đẳng như những học sinh khác và theo nguyên tắc tuyển sinh được quy định tại khoản này.

### 9.2. Trình tự xét tuyển sinh

a) Tuyển thẳng những học sinh đủ điều kiện theo quy định tại điểm 4.1, khoản 4, Mục IV của Kế hoạch này. Nếu số lượng, đối tượng thuộc diện tuyển thẳng vượt quá chỉ tiêu được giao thì phải xét tuyển đối tượng tuyển thẳng theo thứ tự từ cao xuống thấp của Tổng Điểm tính theo kết quả rèn luyện và học tập của 04 năm học cấp THCS được quy định tại khoản 6, Mục II của Kế hoạch này.

#### b) Xét tuyển các thí sinh còn lại

- Chỉ xét tuyển đối với những thí sinh có đủ các điều kiện sau đây:

+ Thi đủ các bài thi theo quy định;

+ Điểm mỗi bài thi phải lớn hơn hoặc bằng 0,25 (không phải hai lăm) điểm.

- Căn cứ điểm xét tuyển, xét từ cao xuống thấp theo từng huyện để tuyển đủ chỉ tiêu. Khi xét đến chỉ tiêu cuối cùng, nếu có từ 02 thí sinh trở lên có điểm xét tuyển bằng nhau nhưng không thể tuyển hết thì xét chọn thí sinh theo thứ tự ưu tiên như sau theo từng huyện: Có tổng điểm các môn thi hoặc bài thi cao hơn; có tổng điểm trung bình môn cả năm học lớp 9 cao hơn; có tổng điểm trung bình môn cả năm học lớp 9 của môn Toán, môn Ngữ văn và môn Tiếng Anh cao hơn; nếu vẫn chưa xác định được thí sinh trúng tuyển thì Hội đồng tuyển sinh của trường đề xuất trình Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

## V. TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN (Trung tâm GDTX Quảng Bình, trung tâm GDNN-GDTX các huyện, thị xã, thành phố)

### 1. Đối tượng tuyển sinh

Là người học có đủ các điều kiện sau:

1.1. Đã tốt nghiệp THCS chương trình giáo dục phổ thông hoặc chương trình giáo dục thường xuyên có nhu cầu học chương trình giáo dục thường xuyên cấp THPT.

1.2. Có đủ hồ sơ hợp lệ; không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự; không trong thời gian bị kỷ luật cấm tham gia dự tuyển.

## 2. Chỉ tiêu tuyển sinh

2.1. Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định chỉ tiêu tuyển sinh đối với Trung tâm GDTX Quảng Bình.

2.2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã quyết định chỉ tiêu tuyển sinh đối với trung tâm GDNN-GDTX thuộc thẩm quyền quản lý.

**3. Địa bàn tuyển sinh:** Trên phạm vi toàn tỉnh.

**4. Phương thức tuyển sinh:** Xét tuyển.

## 5. Chế độ ưu tiên, khuyến khích

5.1. Đối tượng được cộng điểm ưu tiên

Thực hiện theo điểm 4.2, khoản 4, Mục II của Kế hoạch này.

5.2. Đối tượng được cộng điểm khuyến khích

Thực hiện theo điểm 4.3, khoản 4, Mục II của Kế hoạch này.

## 6. Điểm tính theo kết quả rèn luyện và học tập

6.1. Thực hiện theo quy định tại khoản 6, Mục II của Kế hoạch này.

6.2. Đối với người học không thuộc đối tượng đánh giá, xếp loại hạnh kiểm.

a) Học lực Giỏi: 5.0 điểm.

b) Học lực Khá: 4.5 điểm.

c) Học lực Trung bình: 4.0 điểm.

6.3. Điểm tính theo kết quả rèn luyện và học tập là tổng điểm của 4 năm học ở cấp THCS của người học.

## 7. Điểm xét tuyển

Điểm xét tuyển = Tổng Điểm tính theo kết quả rèn luyện và học tập của 04 năm học cấp THCS + Điểm ưu tiên (nếu có) + Điểm khuyến khích (nếu có).

## 8. Nguyên tắc xét tuyển

Căn cứ điểm xét tuyển, xét từ cao xuống thấp để tuyển đủ chỉ tiêu.

Khi xét đến chỉ tiêu cuối cùng, nếu có từ 02 thí sinh trở lên có điểm xét tuyển bằng nhau nhưng không thể tuyển hết thì xét chọn thí sinh theo thứ tự ưu tiên sau: Có tổng điểm trung bình môn cả năm học lớp 9 cao hơn; có tổng điểm trung bình môn cả năm học lớp 9 của môn Toán và Ngữ văn cao hơn; nếu vẫn chưa xác định được thí sinh trúng tuyển thì Hội đồng tuyển sinh đề xuất trình Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

## VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định giao chỉ tiêu phát triển lớp, học sinh cho các trường THPT, trường THCS và THPT công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Bình năm học 2025-2026.

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định thành lập Ban Chỉ đạo tuyển sinh THPT năm học 2025-2026.

Thực hiện hướng dẫn công tác tuyển sinh gồm các nội dung cơ bản: Quy định hình thức đăng ký hồ sơ tuyển sinh; phê duyệt tuyển sinh, công bố kết quả tuyển sinh.

Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan trong công tác tuyển sinh THPT năm học 2025-2026 đảm bảo an toàn, nghiêm túc, khách quan.

Quy định cụ thể việc tổ chức thi, bao gồm: Quy định chung, chuẩn bị tổ chức thi, công tác ra đề thi, coi thi, chấm thi, phúc khảo bài thi và chấm thẩm định; chế độ báo cáo và lưu trữ; thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm và khen thưởng.

Thành lập các hội đồng tuyển sinh; chỉ đạo tổ chức công tác xét tuyển ngay sau khi công bố kết quả thi; phê duyệt và công bố kết quả tuyển sinh của từng đơn vị, hoàn thành trước ngày 31 tháng 7 năm 2025 (riêng đối với GDTX, hoàn thành trước ngày 31 tháng 8 năm 2025), trường hợp quá thời gian tuyển sinh theo quy định nhưng đơn vị vẫn còn chỉ tiêu thì do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định.

Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, phê duyệt kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 GDTX của Trung tâm GDTX Quảng Bình.

Chỉ đạo các phòng Giáo dục và Đào tạo, trường THPT, Trung tâm GDTX Quảng Bình, trung tâm GDNN-GDTX: phổ biến, tuyên truyền Kế hoạch này đến cán bộ, giáo viên, học sinh, phụ huynh học sinh và nhân dân trên địa bàn; chuẩn bị cơ sở vật chất, các điều kiện thiết yếu để phục vụ công tác thi, tuyển sinh đảm bảo an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế.

Tăng cường công tác chỉ đạo, tổ chức thanh tra, kiểm tra; thực hiện chế độ thông kê, thông tin, báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh công tác tuyển sinh vào lớp 10 theo quy định.

Trong trường hợp đặc biệt, Sở Giáo dục và Đào tạo trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh phương thức tổ chức tuyển sinh phù hợp với tình hình thực tế.

## **2. Các sở, ban, ngành liên quan**

Các sở, ban, ngành của tỉnh: Công an tỉnh, Y tế, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Công ty Điện lực Quảng Bình, Tỉnh đoàn Quảng Bình; các cơ quan báo chí, truyền hình của tỉnh; các ban, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp chặt chẽ với Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện tốt công tác tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025-2026.

Báo Quảng Bình, Đài Phát thanh và Truyền hình Quảng Bình, Cổng thông tin điện tử tỉnh thông báo rộng rãi về Kế hoạch tuyển sinh để học sinh, phụ huynh học sinh và nhân dân được biết.

### **3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, phê duyệt kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 GDTX của các trung tâm GDNN-GDTX thuộc thẩm quyền quản lý.

Chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành, các phường, xã, thị trấn, các trường học trên địa bàn tuyên truyền rộng rãi Kế hoạch tuyển sinh đến cán bộ, giáo viên, học sinh, phụ huynh và xã hội, tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai; phối hợp chặt chẽ với ngành Giáo dục để tổ chức công tác thi, tuyển sinh an toàn, nghiêm túc, khách quan./.

